Lesson Sheet

B2 · Week 1 · Session 1 · b2-w01-s1 · v1 draft

Global Citizenship and Cultural Fusion

• Hiểu ý chính, tìm chi tiết và so sánh hai quan điểm trong bài đọc, bài nghe.

• Trình bày quan điểm bằng ví dụ cụ thể; thử dùng cấu trúc nâng cao có hướng dẫn.

Grammar: Negative inversion with Rarely and Seldom

Đảo ngữ tạo sự nhấn mạnh trong văn viết hoặc nói trang trọng. Đây là cấu trúc mở rộng; trước hết hãy diễn đạt rõ ý bằng câu thông thường.

Rarely/Seldom + do/does/did + subject + base verb; Rarely/Seldom + have/has + subject + past participle; Rarely/Seldom + modal + subject + base verb.

Khởi động và học từ qua ví dụ · 14 phút
Liên hệ chủ đề với trường học hoặc gia đình. Học 8 từ và tự đặt câu.

Đọc, nghe và tìm bằng chứng · 16 phút
Đọc ý chính, nghe hai lượt và tìm chi tiết cho câu hỏi. Chưa mở transcript trong lượt nghe đầu.

Thảo luận và viết bản nháp · 15 phút
Nêu ý kiến với một lý do và một ví dụ, sau đó viết theo dàn ý. Có thể dành thêm thời gian viết nếu cần.

Luyện tập và phản hồi · 15 phút
Làm quiz, kiểm tra giải thích cùng bố mẹ và chỉnh một điểm trong bài viết. Ghi nhận mức tự tin.

Vocabulary Worksheet

B2 · Week 1 · Session 1 · b2-w01-s1 · v1 draft

Viết nghĩa tiếng Việt và một câu của riêng con cho từng từ.

heritage /ˈherɪtɪdʒ/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

diversity /daɪˈvɜːsəti/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

preserve /prɪˈzɜːv/ (verb)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

identity /aɪˈdentəti/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

exchange /ɪksˈtʃeɪndʒ/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

assumption /əˈsʌmpʃn/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

contribution /ˌkɒntrɪˈbjuːʃn/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

respectful /rɪˈspektfl/ (adjective)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

Grammar Worksheet

B2 · Week 1 · Session 1 · b2-w01-s1 · v1 draft

Negative inversion with Rarely and Seldom

Rarely/Seldom + do/does/did + subject + base verb; Rarely/Seldom + have/has + subject + past participle; Rarely/Seldom + modal + subject + base verb.

Choose the correct inversion.
A. Rarely students have this opportunity.
B. Rarely do students have this opportunity.
C. Rarely do students has this opportunity.

Complete: Seldom _____ so many ideas in one rehearsal.
A. I have heard
B. have I hear
C. have I heard

Vận dụng

Viết 5 câu của riêng con sử dụng cấu trúc vừa học.

Reading Worksheet

B2 · Week 1 · Session 1 · b2-w01-s1 · v1 draft

An Exchange Week at Riverside School

At Riverside School, an exchange week has encouraged students to think about what it means to belong to a global community. Each visiting student has brought a family story, a favourite song and a recipe to share. During the first workshop, Mai and her guest, Sofia, discovered that their grandparents both used music to pass on memories. Although their languages were different, they recognised a similar wish to keep family traditions alive.

The experience has offered more than an interesting afternoon. By working together, students have practised asking respectful questions and checking assumptions. Rarely do they have such a good opportunity to hear directly about everyday life in another country. Several students have also noticed that familiar dishes can change as families move and share ideas.

However, the school committee does not want the event to suggest that every tradition is simply entertainment. Some visitors prefer not to perform private family ceremonies in public, and their choices must be respected. Others worry that only the most popular international songs will be included.

The committee has therefore invited students to choose their own contributions and explain their meaning. Its aim is to welcome new influences while preserving local heritage. Cultural exchange works best, the students conclude, when people listen as carefully as they speak.

What did Mai and Sofia discover about their grandparents?

A. They used music to share memories.

B. They spoke the same language.

C. They worked at Riverside School.

Why does the committee let students choose their contributions?

A. To avoid having any local songs.

B. To respect personal choices and the meaning of traditions.

C. To select only professional performers.

Viết một điều con nhớ từ bài đọc:

Listening Worksheet

B2 · Week 1 · Session 1 · b2-w01-s1 · v1 draft

Mai and Sofia Discuss Cultural Exchange

Nghe lần đầu để xác định quan điểm và ý chính của từng người nói.
Nghe lại, ghi hai chi tiết hỗ trợ quan điểm rồi làm câu hỏi nghe.

What did Sofia enjoy most?
A. Preparing a recipe on her own.
B. Creating a song with students from three countries.
C. Watching a ceremony online.

What would Sofia like groups to do next time?
A. Explain the meaning of their contributions.
B. Perform every family ceremony.
C. Use only international songs.

Từ hoặc cụm từ con nghe được

Mở audio trên trang bài học. Transcript nằm trong Answer Key của phụ huynh.

Writing Worksheet

B2 · Week 1 · Session 1 · b2-w01-s1 · v1 draft

Write an essay explaining how a school can welcome cultural exchange while respecting local traditions.

Độ dài tham khảo: 140–190 từ.

• Giới thiệu quan điểm của con.
• Nêu một lợi ích và ví dụ trong trường học.
• Nêu một khó khăn và cách giải quyết.
• Kết luận bằng một đề xuất cụ thể.

Checklist

¡Quan điểm rõ và có ví dụ cụ thể.
¡Có giải pháp tôn trọng lựa chọn của người tham gia.
¡Thử dùng một câu đảo ngữ đúng; không dùng từ khó chỉ để gây ấn tượng.
¡Bài có 140–190 từ, các đoạn nối ý hợp lý.

Speaking Card

B2 · Week 1 · Session 1 · b2-w01-s1 · v1 draft

Plan a cultural exchange day for your school.

What could students share, and why?

How would you respect someone who prefers to keep a tradition private?

Bố mẹ quan sát

¡Nêu ý kiến và giải thích bằng một ví dụ.
¡Lắng nghe, phản hồi đúng ý và hỏi tiếp.
¡Dùng từ và cấu trúc phù hợp, diễn đạt dễ hiểu.

Từ vựng gợi ý

heritage · diversity · preserve · identity · exchange · assumption · contribution · respectful